

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HN  
TỈNH NA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2022

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HN, TỈNH NA**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phan Hương;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoa, cán bộ Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh NA.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN, tỉnh Nghệ An:*** Bà Nguyễn Thị Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh NA xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc: “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị TTH, sinh năm: 1969; nơi đăng ký HKTT: Xóm H, xã HT, huyện HN, tỉnh NA. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh NSK, sinh năm: 1954; nơi đăng ký HKTT: H, xã HT, huyện HN, tỉnh NA. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn ngày 18 tháng 5 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị TTH trình bày: Chị và anh NSK đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/1989 tại UBND xã HT, huyện HN, tỉnh NA trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống trong gia đình. Xác định tình cảm không còn nên chị xin được ly hôn với anh NSK. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là NTP, sinh ngày 13 tháng 7 năm 1991; NTĐ; sinh ngày 15 tháng 8 năm 1992. Vợ chồng ly hôn các con đã trưởng*

thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và các khoản nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa chị TTH giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.*

*Bị đơn anh NSK: Không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên không có lời khai.*

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xử: Về quan hệ hôn nhân: Chơị TTH được ly hôn anh NSK. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Buộc chị TTH phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp “Ly hôn”. Bị đơn đăng ký HKTT tại: Xã HT, huyện HN, tỉnh NA. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh NA thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn chị TTH và bị đơn anh NSK là đúng quy định pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị TTH và anh NSK đăng ký kết hôn ngày 21/11/1989 tại UBND xã HT, huyện HN, tỉnh NA không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 12 năm thì xảy ra mâu thuẫn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1

Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị TTH được ly hôn anh NSK.

[3]. *Về con chung*: Chị TTH và anh NSK không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Tài sản và các khoản nợ*: Chị TTH và anh NSK không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị TTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị TTH được ly hôn anh NSK.

2. *Về con chung*: Các con chung đã trưởng thành chị Hòa không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về án phí*: Chị TTH phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Hòa đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện HN theo biên lai thu tiền số 0003966 ngày 27 tháng 6 năm 2022. Chị H đã nộp đủ.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phan Hương**

